

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2024

“Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tiến Vụ và ông Y Đung Knul

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Buôn P, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Anh Sầm Văn V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lý Thị N trình bày: Tôi và anh Sầm Văn V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/01/2017. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 (hai) con chung. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Sầm Văn V thường xuyên đi chơi với bạn không chịu làm ăn để nuôi các con. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Tôi nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay tôi và anh Sầm Văn V đã sống ly thân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Sầm Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi với anh Sầm Văn V có 02 (hai) con chung là: Cháu Sầm Minh Q và cháu Sầm Minh Kh đều sinh ngày 09/03/2017.

Tôi có nguyện vọng nhận nuôi cháu Sầm Minh Q và cháu Sầm Minh Kh đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Sầm Văn V mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 195/TB-TLVA, ngày 05/10/2023. Nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 01/TB-TA, ngày 31/10/2023 và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số: 02/TB-TA, ngày 17/11/2023. Tuy nhiên, anh Sầm Văn V vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được, cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V. Qua xác minh, đại diện ban tự quản thôn E, xã C, huyện B và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn E, xã C, huyện B cung cấp thông tin: Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng chị Lý Thị N, anh Sầm Văn V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Hiện nay anh Sầm Văn V đã bỏ đi làm ăn, không quan tâm và chăm sóc gì vợ và các con. Chị Lý Thị N và bị đơn anh Sầm Văn V đã sống ly thân.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị Lý Thị N vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Sầm Văn V. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn anh Sầm Văn V vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn V.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Sầm Minh Q, sinh ngày 09/03/2017 và cháu Sầm Minh Kh, sinh ngày 09/03/2017 cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sầm Văn V cư trú tại thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Sầm Văn V. Tuy nhiên, bị đơn anh Sầm Văn V vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/11/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Anh Sầm Văn V bỏ đi làm ăn và không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Hiện nay chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại ban tự quản thôn E, xã C, huyện B và Chi hội phụ nữ thôn E, xã C, huyện B cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lý Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn V.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lý Thị N và anh Sầm Văn V có 02 (hai) con chung: Cháu Sầm Minh Q, sinh ngày 09/03/2017 và cháu Sầm Minh Kh, sinh ngày 09/03/2017.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa chị Lý Thị N có nguyện vọng nhận nuôi các cháu Sầm Minh Q, Sầm Minh Kh đến khi các cháu thành niên. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Sầm Minh Q, Sầm Minh Kh cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu Sầm Minh Q, Sầm Minh Kh thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lý Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Sầm Minh Q, sinh ngày 09/03/2017 và cháu Sầm Minh Kh, sinh ngày 09/03/2017 cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019484 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Sầm Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã C, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

